

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ VĂN PHÒNG PHẨM HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ VĂN PHÒNG PHẨM HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107987420

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngõ 114, ngách 10, đường Quang Tiến, Thôn Đình , Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 2.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4100        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4653        |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741(Chính) |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm ;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.<br>Nhóm này cũng gồm: Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp đường, các cơ sở hạ tầng | 4290        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 10. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 12. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                      | 2817 |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm: hoạt dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                                                                                                          | 4312 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                       | 4220 |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 18. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                           | 4761 |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                | 7110 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất.                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 21. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 22. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 23. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                          | 1820 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỒNG ĐÌNH MINH | Tổ 24, Khu 7, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 23,684    | 0270730001<br>22                                                                            |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 23,684    |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 07/09/2017 đến ngày 07/10/2017

|   |                  |                                                                  |                   |         |               |        |           |  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | ĐÔNG ĐÌNH PHƯƠNG | Thôn Trung, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 52,632 | 125868819 |  |
|   |                  |                                                                  | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 52,632 |           |  |
| 3 | NGUYỄN HỮU TRỌNG | Thôn Trung, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000  | 450.000.000   | 23,684 | 125159039 |  |
|   |                  |                                                                  | Tổng số           | 45.000  | 450.000.000   | 23,684 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÔNG ĐÌNH PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh:

Sinh ngày: 30/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125868819

Ngày cấp: 19/11/2015 Nơi cấp: công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trung, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Trung, Xã Cảnh Hưng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội